

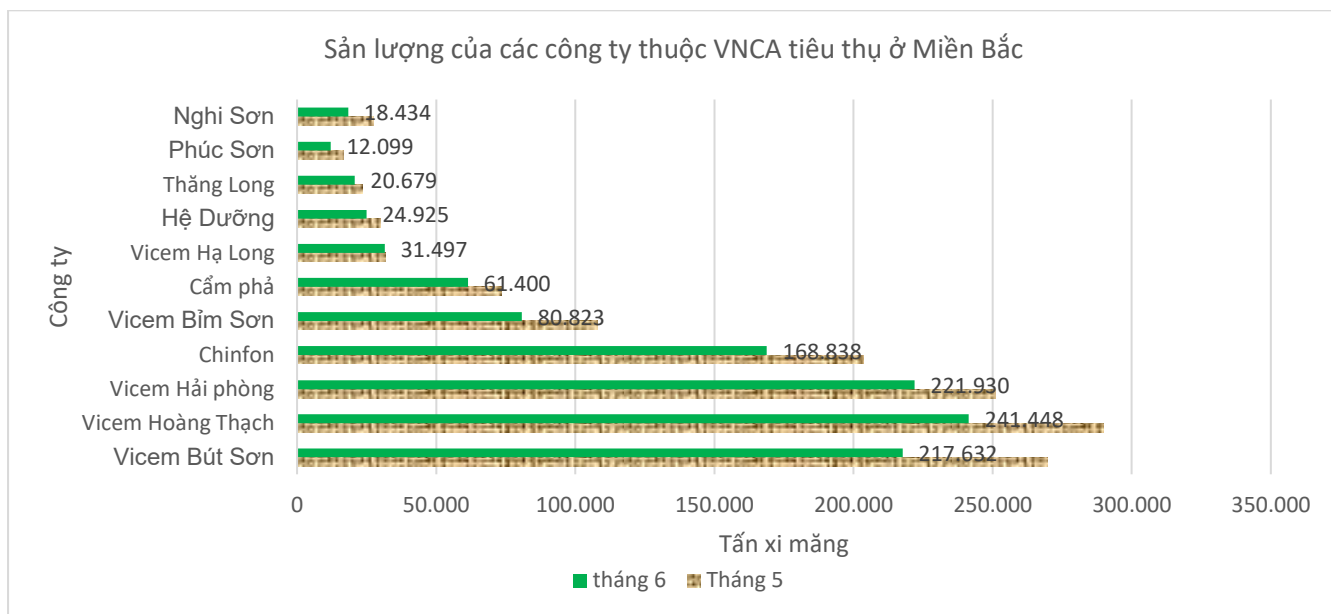
# TÌNH HÌNH THI TRƯỜNG XI MĂNG VIỆT NAM THÁNG 6/2021

## A- TIÊU THU NỘI ĐỊA:

### I.Thị trường xi măng miền Bắc:

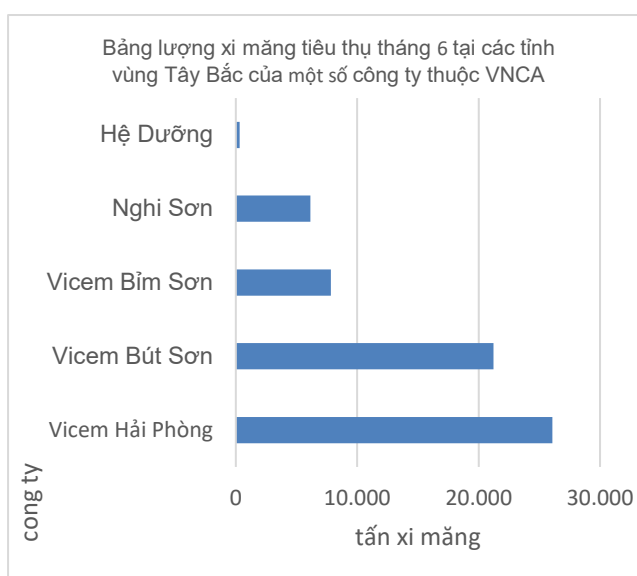
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Bắc tháng 6/2021 là: 2.063.636 tấn (tháng 5 là 2.337.276 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Bắc của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

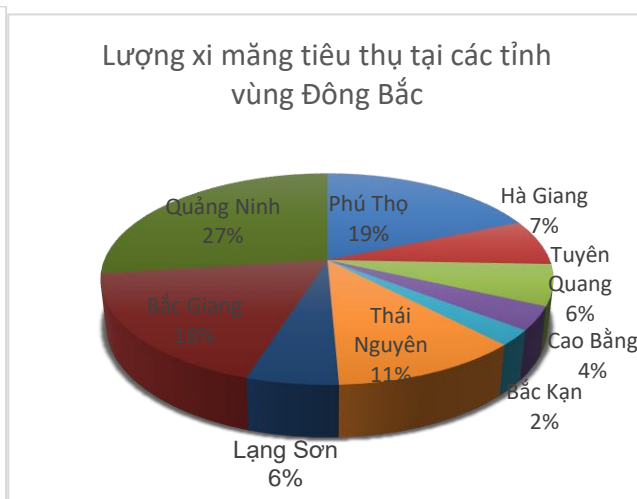
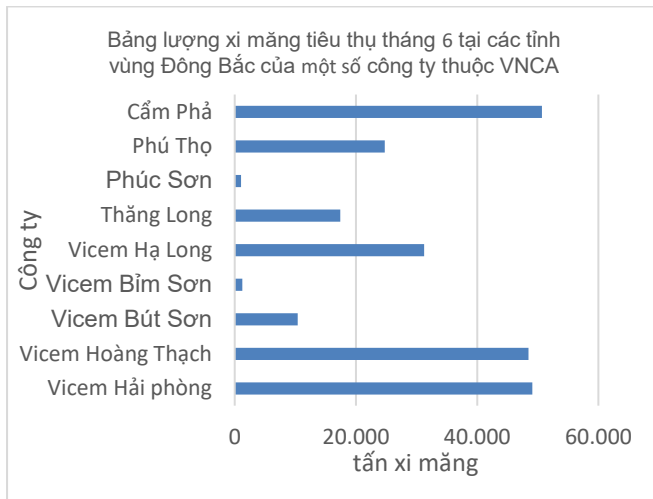


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Bắc trong tháng 6/2021 như sau:

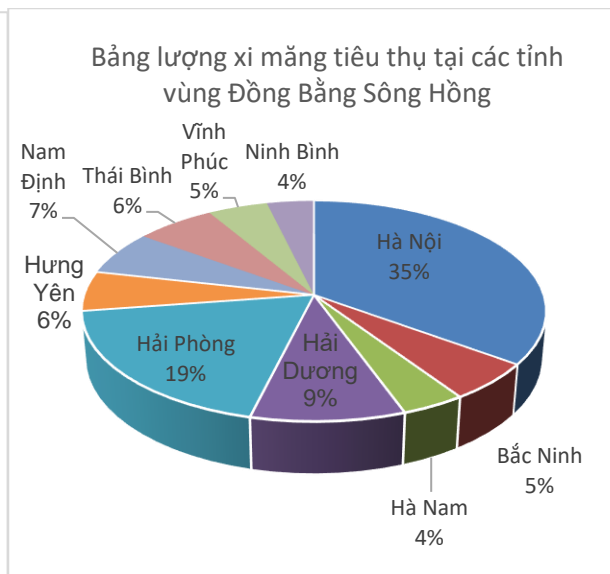
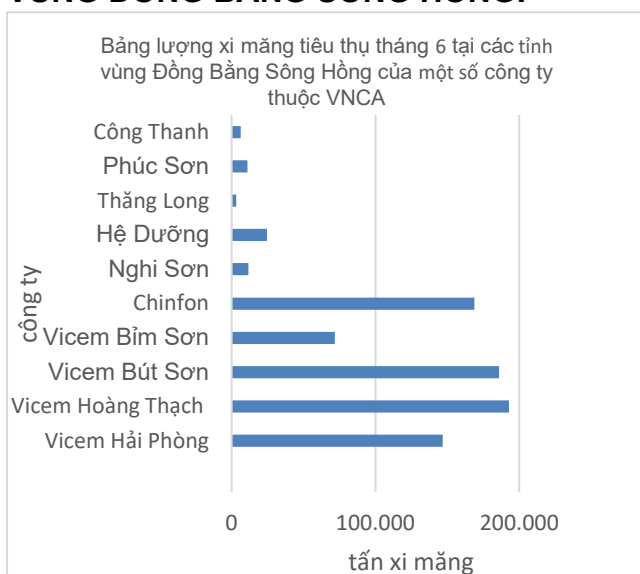
### VÙNG TÂY BẮC:



### VÙNG ĐÔNG BẮC:



### VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG:



### Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Bắc như sau:

Giá không ghi chú chủng loại thì được hiểu là giá PCB 30 (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

#### 1. Tại Yên Bái:

- XM Yên Bái: 1.180 (giá tại nhà máy)
- XM Tam Điệp: 1.460

#### 2. Tại Lạng Sơn:

- XM Hoàng Thạch: 1.440
- XM Lạng Sơn: 940

#### 3. Tại Thái Nguyên:

- XM La Hiên: 1.240
- XM Quang Sơn: 1.270
- XM Tuyên Quang: PCB 30: 1090    PCB 40: 1.200

#### 4. Tại Quảng Ninh:

- XM Hoàng Thạch: 1.400
- XM Phúc Sơn: 1.290
- XM Chin Fon: 1.420
- XM Lam Thạch: 1.200
- XM Thăng Long PCB 40: 1.350
- XM Hạ Long PCB 40: 1.360
- XM Cầm phả PCB 40: 1.300

#### 5. Tại Bắc Ninh:

- Xi măng Hoàng Thạch: 1.430
- XM Cầm Phả PCB 40: 1.380
- XM Phúc Sơn: 1.350
- XM Nghi Sơn PCB40: 1.450
- XM Chinfon: 1.480

#### 6. Tại Bắc Giang:

- XM Hoàng Thạch: 1.430

- XM Cẩm Phả PCB 40: 1.380
- XM Phúc Sơn: 1.330
- XM Thăng Long PCB 40 1.380
- XM Hoàng Mai: 1.450

**7. Tại Hải Dương:** - XM Chinfon: 1.450 - Hoàng Thạch: 1.420

- XM Cẩm phả PCB 40	1.300	- XM Phúc Sơn:	1.350
---------------------	-------	----------------	-------

**8. Tại Hưng Yên:** - XM Hoàng Thạch: 1.400

- XM Chin Fon:	1.380	- XM Bút Sơn:	1.380
-XM Phúc Sơn:	1.260		

**9. Tại Thanh Hoá:** - XMVLXD Bỉm Sơn: 1.070

- XM Bỉm Sơn: 1.330
- XM Nghi Sơn PCB 40 1.290
- XM Hoàng Mai 1.280
- XM Tam Điệp: 1.250

**10. Tại Ninh Bình:** - XM Tam Điệp: 1.250 - XM Hệ Dưỡng: 970 (giá tại nhà máy)

- XM Bỉm Sơn: 1.220

**11. Tại Nam Định:** -XM Hoàng Thạch: 1.400 XM Cẩm phả: 1.300

- XM Bỉm Sơn: 1.420
- XM Bút Sơn: 1.400
- XM Chin Fon: 1.450

**12. Tại Thái Bình:**

- XM Bỉm Sơn: 1.400
- XM Chin Fon: 1.410
- XM Thăng Long: 1.390
- XM Bút Sơn: 1.400
- XM Cẩm phả: 1.300

**13. Tại Hà Nội.**

- XM Chin Fon: 1.375
- XM Hoàng Thạch: 1.590
- XM Phúc Sơn: 1.450
- XM Bỉm Sơn: 1590
- XM Tam Điệp: 1550
- XM Bút Sơn: 1560
- XM Thăng Long PCB 40: 1.490
- XM Nghi Sơn PCB 40:1.570
- XM Cẩm Phả: 1.500

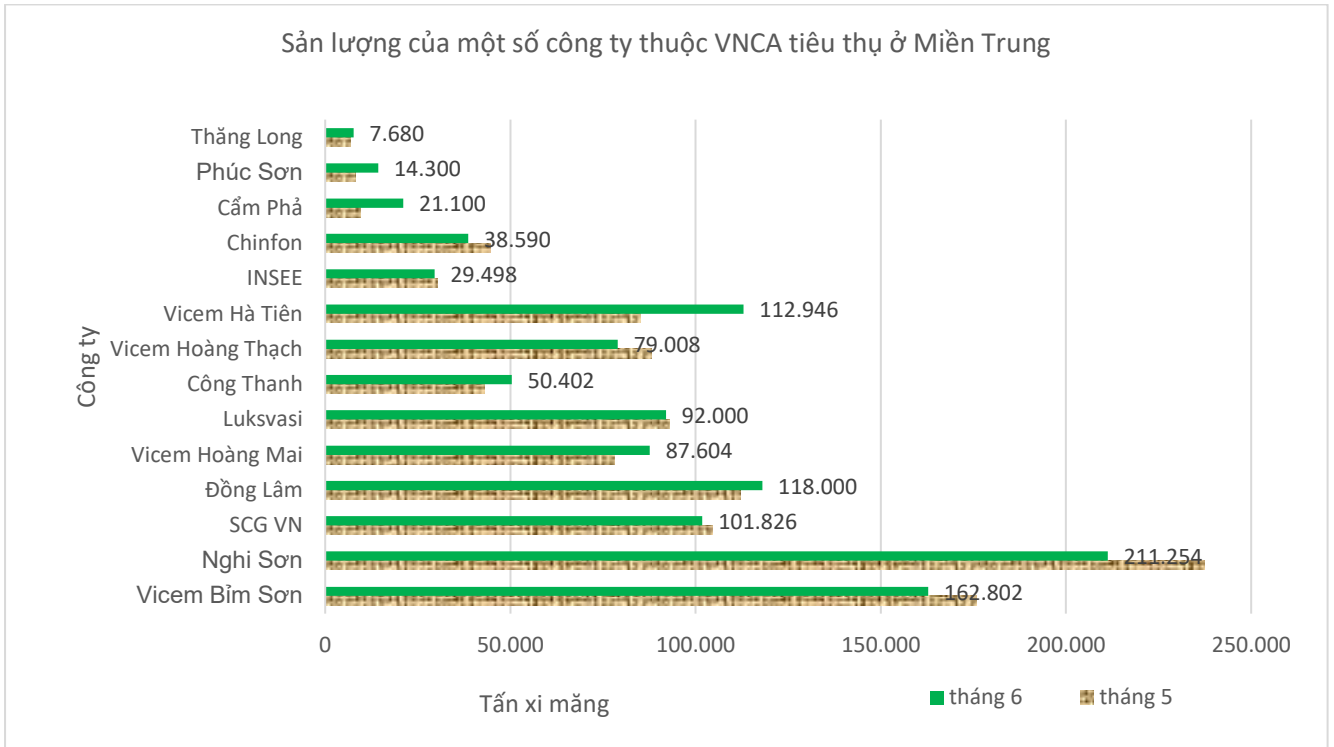
**15. Tại Hải phòng:** - XM ChinFon: 1.490 XM Cẩm phả: 1.400

- XM Hải phòng: 1.440
- XM Phúc Sơn: 1.390

**II. Thị trường xi măng miền Trung:**

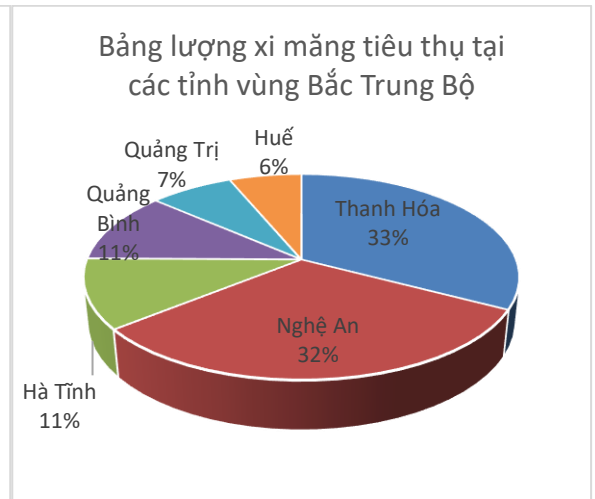
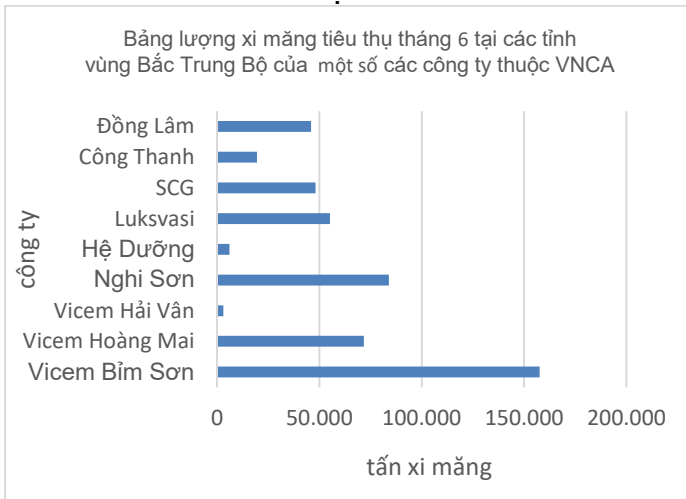
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Trung tháng 6/2021: 1.724.688 tấn (tháng 5 là 1.453.200 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Trung của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

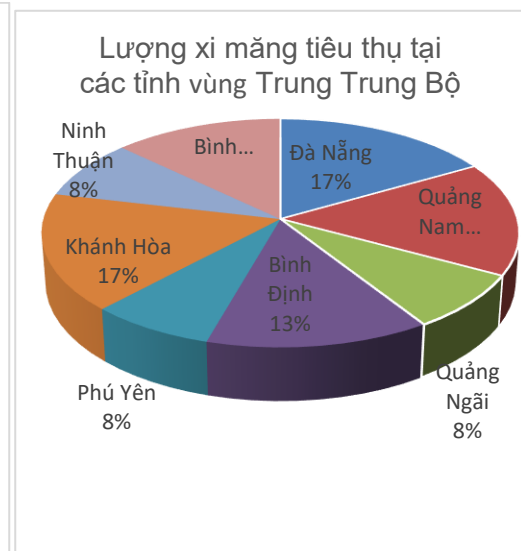
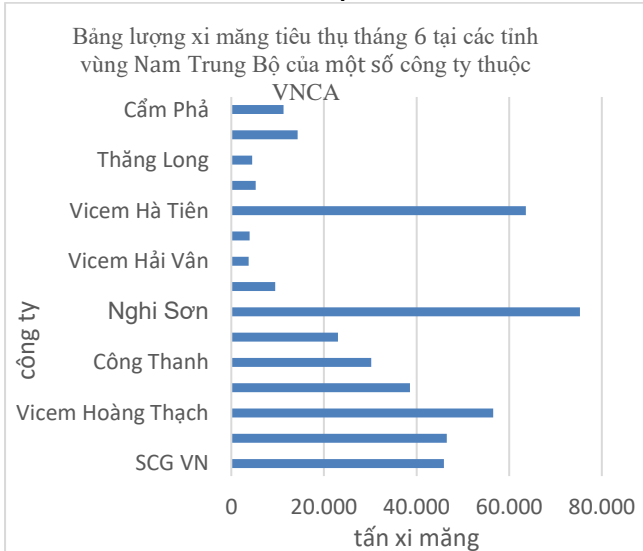


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Trung trong tháng 6/2021 như sau:

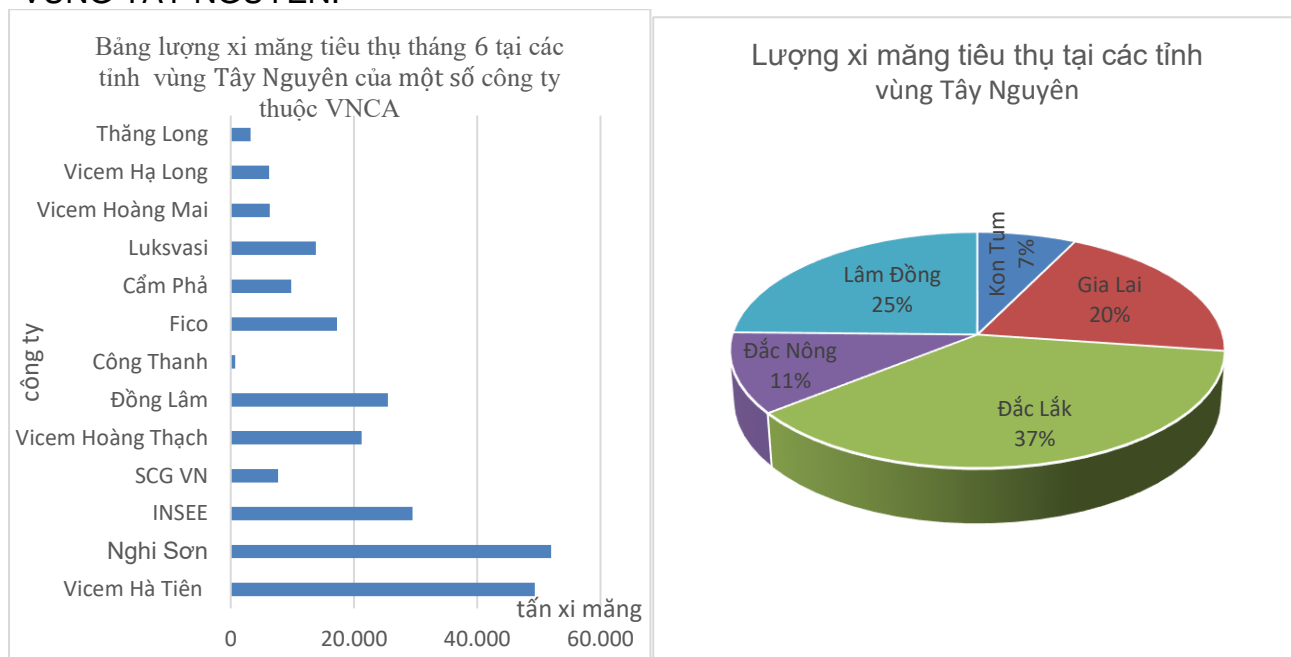
#### VÙNG BẮC TRUNG BỘ:



#### VÙNG NAM TRUNG BỘ



## VÙNG TÂY NGUYÊN:



**Giá bán lẻ một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Trung như sau:** (đơn vị: nghìn đồng/tấn)

**\* Giá XM tại Nghệ An, Hà Tĩnh:**

- XM Sông Gianh: 1.035

- XM Bỉm Sơn: 1.350

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.360

**\* Giá XM tại Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế:**

- XM COSEVCO 11: 1.100

- XM Quảng Trị: 980

- XM Sông Gianh: 1.360

- XM Luks VN PCB 40: 1.300

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.400

**\* Giá XM tại Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi:**

- XM Sông Gianh: 1.500 - XM Hải Vân (tại Nhà

máy): 1.400

- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.480

- XM Hoàng Thạch PCB 40: 1.580

XM Hoàng Mai PCB 40: 1.530

- XM Phúc Sơn: 1.480

- XM luks VN PCB 40: 1.520 - ChinFon: 1.440

**\* Giá XM tại Gia lai, Đắk Lắk, Kontum:** XM Hoàng Thạch: 1.830

- XM Hà tiên Vicem PCB 40(giá đến người tiêu dùng): 1.890

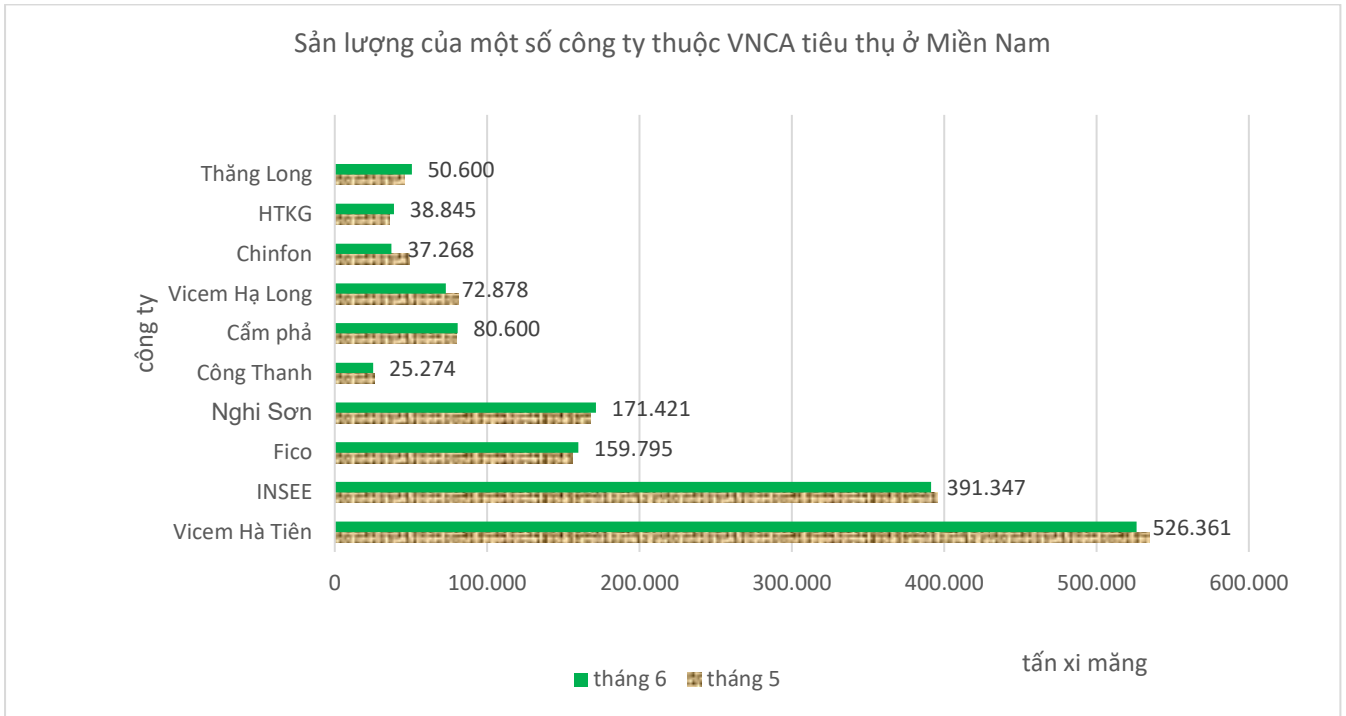
- XM Thăng Long 1.730

- XM Hoàng Mai PCB 40: 1.830

### **III. Thị trường xi măng Miền Nam:**

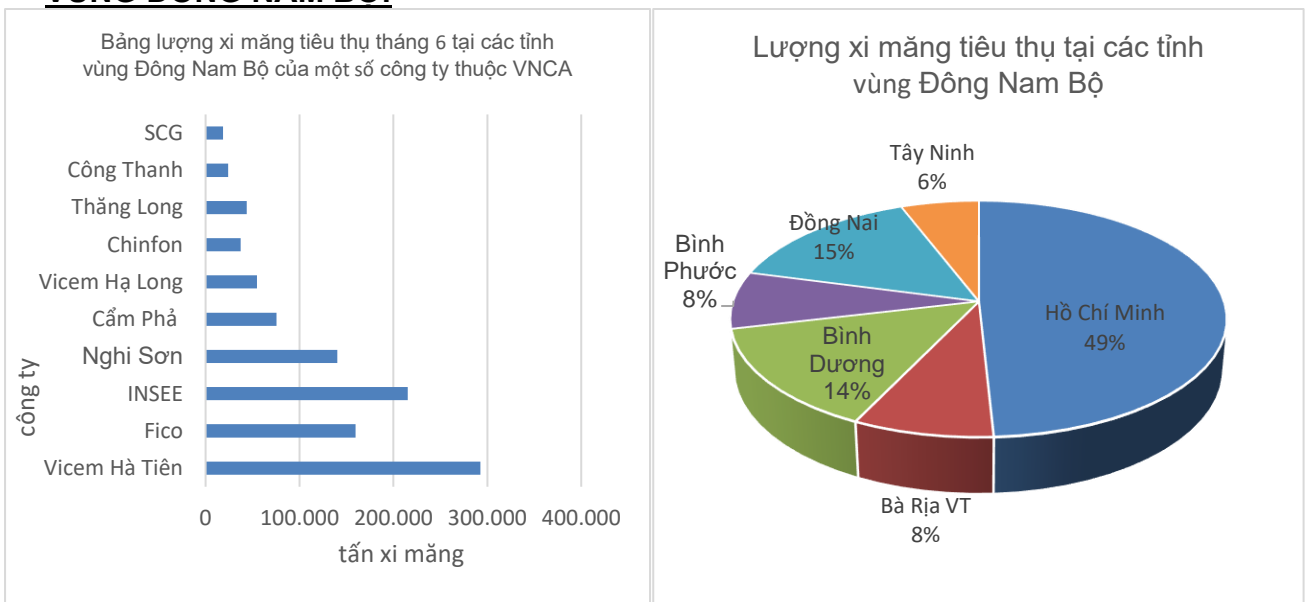
Tổng lượng tiêu thụ xi măng của cả nước tại địa bàn miền Nam là: 2.306.815 tấn (tháng 5 là 2.166.021 tấn).

Sản lượng tiêu thụ tại miền Nam của một số công ty xi măng thuộc VNCA như sau:

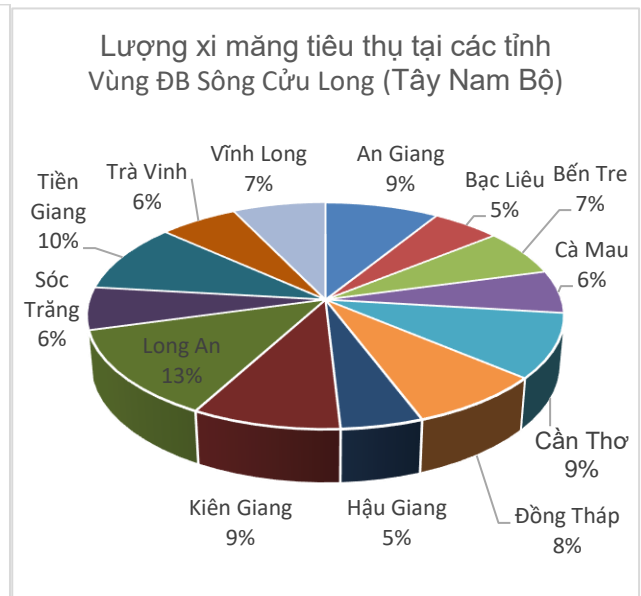
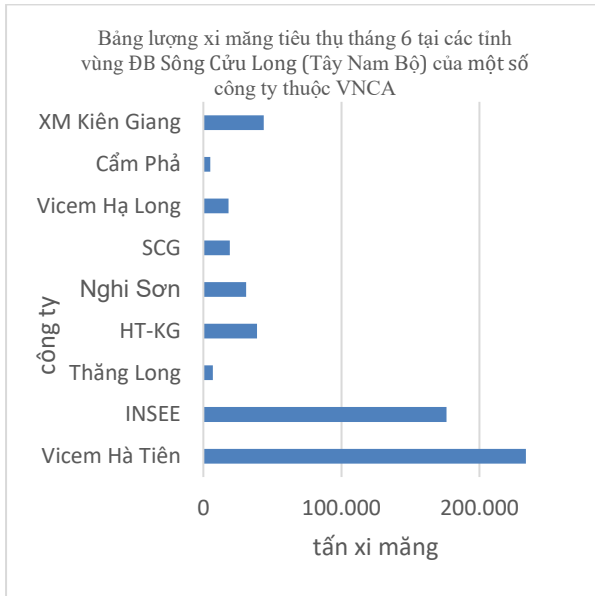


Lượng xi măng tiêu thụ tại các vùng ở Miền Nam tháng 6/2021 như sau:

**VÙNG ĐÔNG NAM BỘ:**



**VÙNG ĐB SÔNG CỬU LONG (TÂY NAM BỘ):**



**Giá một số chủng loại xi măng trên địa bàn Miền Nam như sau: (đơn vị: nghìn đồng/tấn)**

**\* Giá xi măng tại Thành phố HCM:**

- XM Vicem -Hà Tiên PCB 40 (giá đến người tiêu dùng) : 1.800 ; XM Starcem: 1.700
- XM Nghi Sơn PCB 40: 1.690 - XM FICO: 1.600
- XM ChinFon :1.580 - XM INSEE đa dụng PCB 40: 1.730 (giá tại nhà máy)
- XM Cầm phả PCB 40: 1.680 - XM Công Thành: 1.600 (giá đến người tiêu dùng)

**\* Giá xi măng tại Cần Thơ và các tỉnh lân cận:**

- XM FICO Tây Ninh: 1.600 - XM Nghi Sơn PCB 40: 1.620
- XM Tây Đô tại Công ty PCB 40 1.394; PCB 50 xá: 1.353 XM Hà tiên Vicem PCB 40 đa dụng giá đến người tiêu dùng): 1.520
- INSEE: 1.800

- \* Giá xi măng tại Kiên Giang:** - XM Hà tiên Vicem PCB 40 (giá đến người tiêu dùng): 1.580  
 XM Hà Tiên-Kiên Giang (cá sấu) PCB 30 tại kho: 1.150 PCB 40: 1.250  
 XM Kiên giang (hiệu sư tử tháp) PCB 40: 1.250

**Nhận xét chung thị trường nội địa:**

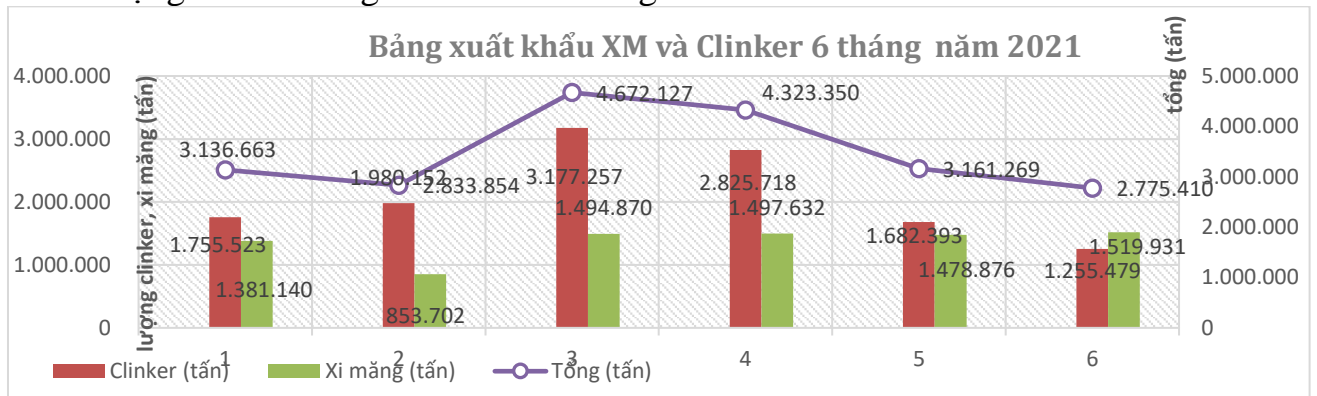
Về tiêu thụ xi măng: tiêu thụ giảm so với tháng 5/2021.

Về giá xi măng: ổn định như giá tháng 5.

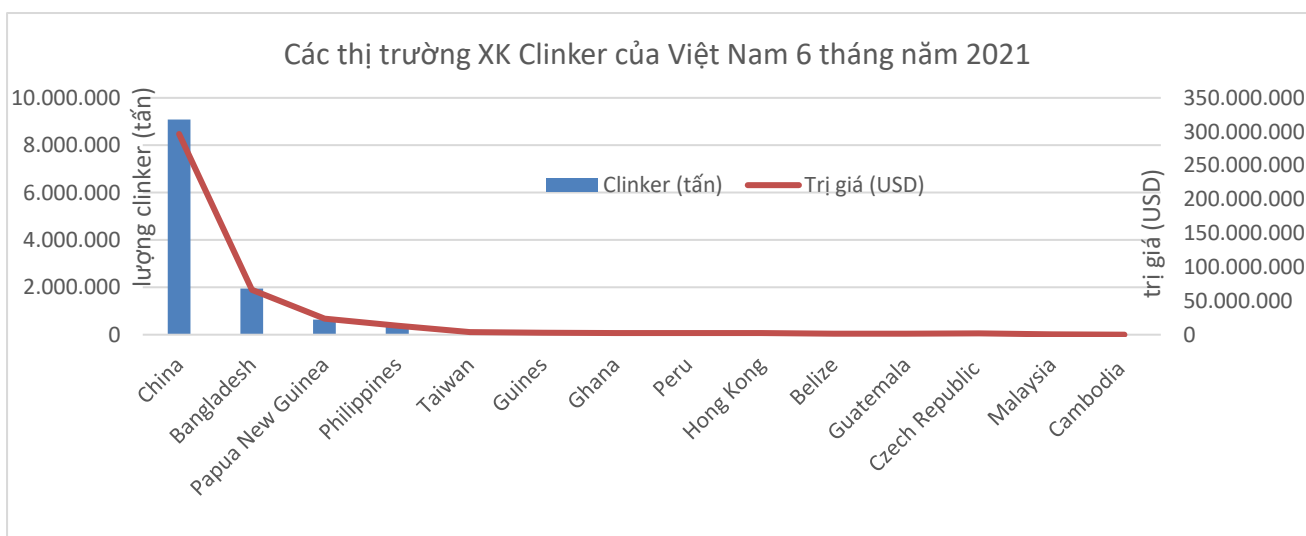
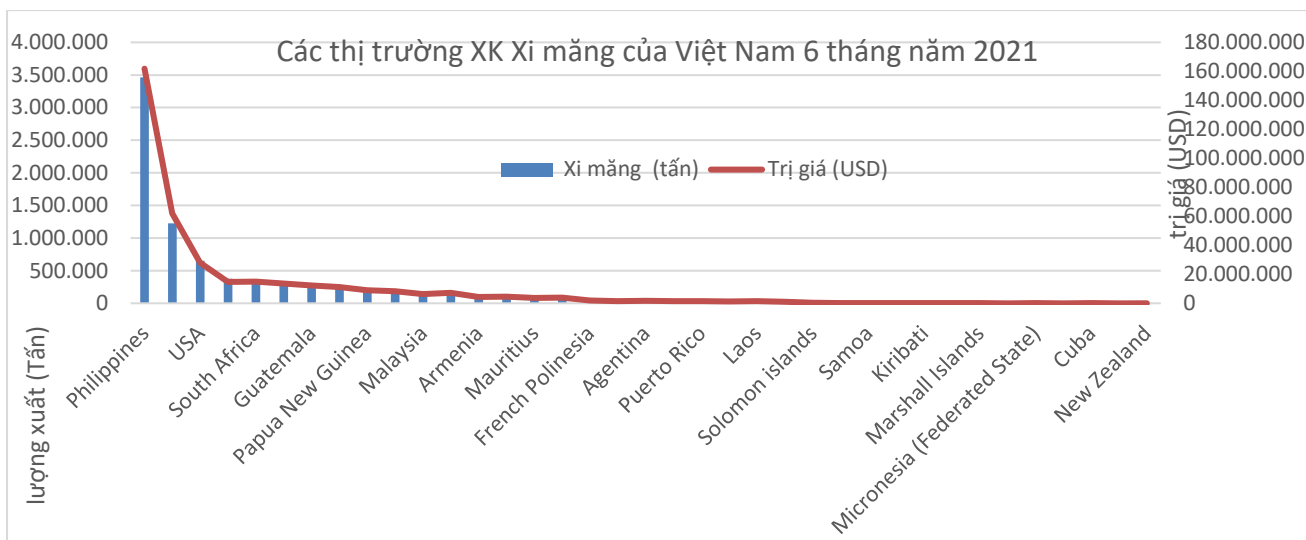
Tồn kho cuối tháng 6: Xi măng: 0,6 triệu tấn; clinker: 2,8 triệu tấn.

**B- XUẤT KHẨU (XK)**

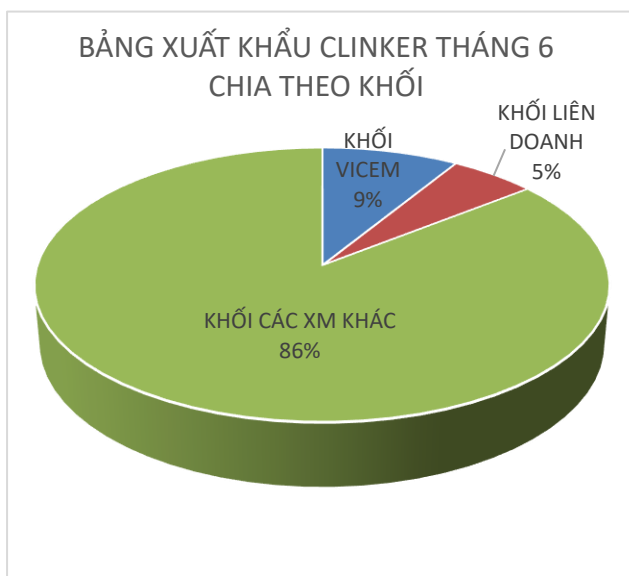
**1. Lượng XK xi măng và clinker 6 tháng 2021 như sau:**



**2. Các thị trường XK xi măng và clinker của Việt Nam 5 tháng năm 2021:**

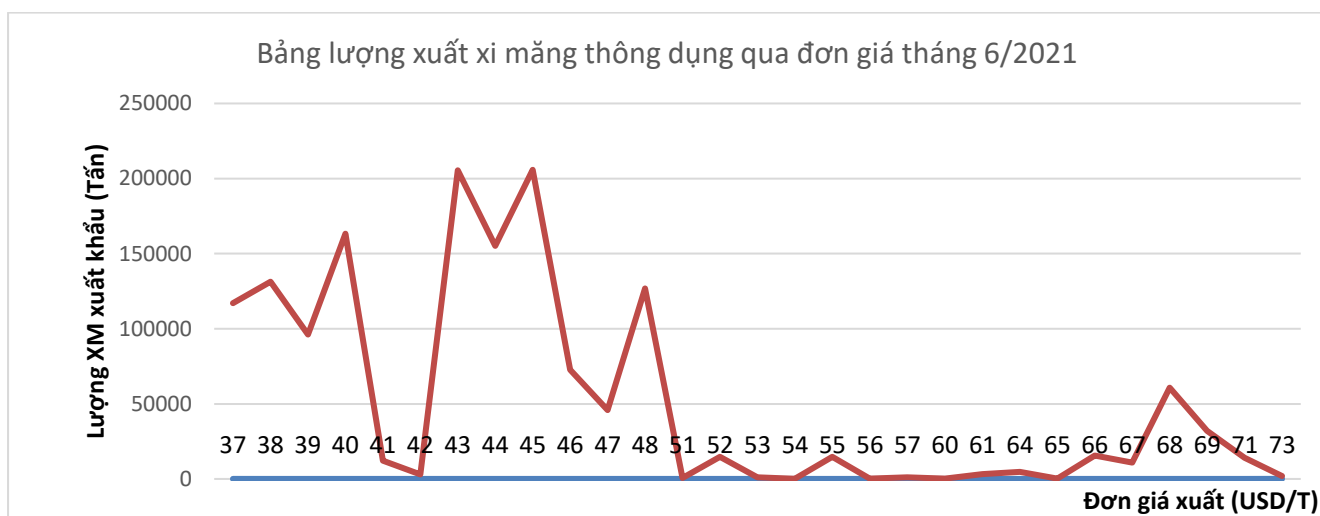
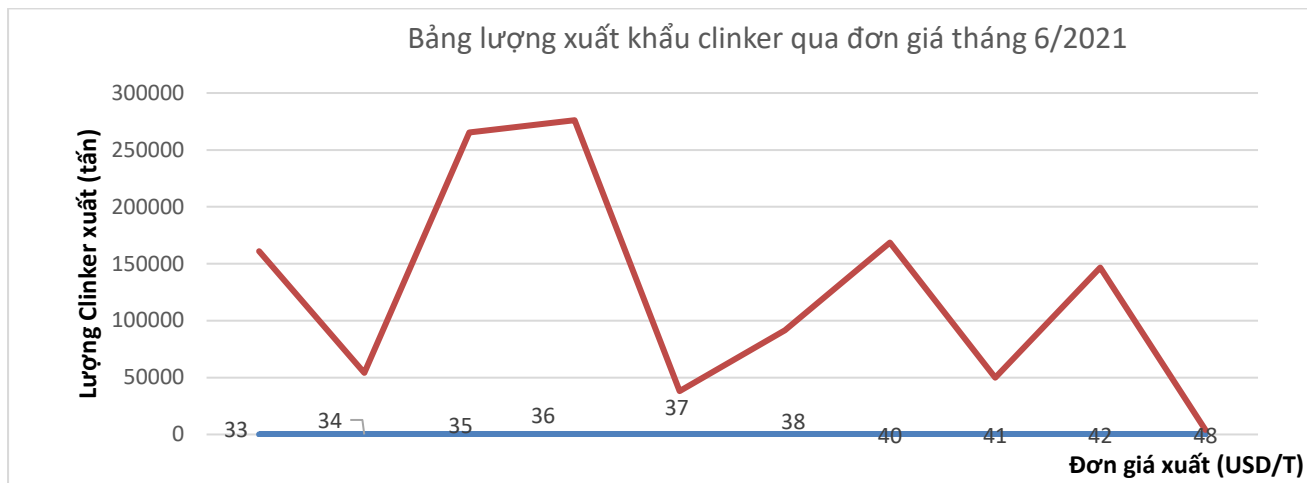


3. Sản lượng xuất khẩu xi măng và clinker tháng 6 chia theo các khối:



4. Bảng lượng và đơn giá xuất khẩu xi măng loại thông thường và clinker trong tháng 6/2021 như sau:





### **C- SX THÁNG 6/2021, KẾ HOẠCH THÁNG 7 VÀ LŨY KẾ TTND NĂM 2021:**

Đơn vị: Tấn

	Đơn vị	SX XM tháng 6/2021	Lũy kế SX xi măng 2021	Kế hoạch TTND T7/2021	Lũy kế TTND năm 2021
<b>A</b>	<b>Khối VICEM</b>	<b>2,191,916</b>	<b>12,607,889</b>	<b>1,906,300</b>	<b>10,581,291</b>
1	Vicem Hải Phòng	175,000	838,363	216,500	<b>1,237,890</b>
2	Vicem Bỉm Sơn	284,702	1,699,770	258,800	<b>1,513,031</b>
3	Vicem Hoàng Thạch	326,187	1,868,323	320,000	<b>1,804,700</b>
4	Vicem Bút Sơn	235,702	1,573,997	270,000	<b>1,462,174</b>
5	Vicem Hà Tiên	610,700	3,255,761	609,000	<b>3,369,464</b>
6	Vicem Hải Vân	56,000	259,334	6,000	<b>32,577</b>
7	Vicem Hoàng Mai	108,600	725,327	107,500	<b>528,306</b>
8	Vicem Tam Điệp	115,938	719,848	0	<b>27</b>
9	Vicem Hạ Long	187,000	1,113,957	118,000	<b>624,531</b>
10	Vicem Sông Thao	92,087	553,208	500	<b>4,429</b>
<b>B</b>	<b>Khối LD</b>	<b>1,522,675</b>	<b>9,253,630</b>	<b>1,435,130</b>	<b>8,038,545</b>

1	XM Nghi Sơn	424,890	2,418,662	369,900	<b>2,181,656</b>
2	XM Chinfon	265,719	1,501,307	246,700	<b>1,485,779</b>
3	Siam City Cement	400,000	2,400,000	423,000	<b>2,160,196</b>
4	XM Luks(Vietnam)	110,000	640,000	95,000	<b>473,000</b>
5	XM Thăng Long	100,000	680,000	95,000	<b>426,713</b>
6	XM Hệ Dưỡng	32,066	228,661	40,530	<b>219,029</b>
7	SCG VN	150,000	1,130,000	130,000	<b>941,577</b>
8	XM Phúc Sơn	40,000	255,000	35,000	<b>150,595</b>
C	<b>Khôi các Cty xm khác</b>	<b>3,470,000</b>	20,805,148	<b>2,400,000</b>	<b>14,990,000</b>
	<b>Toàn XH: (A+B+C)</b>	<b>7,184,591</b>	<b>42,666,667</b>	<b>5,741,430</b>	<b>33,609,836</b>

### Đánh giá:

- TTND tháng 6/2021: 6.095.139 tấn bằng 114% so với cùng kỳ năm 2020, bằng 94% so với tháng 5/2021. Tổng tiêu thụ nội địa 6 tháng năm 2021 là 33.609.836 tấn tăng 8% cùng kỳ năm 2020.
- Xuất khẩu tháng 6/2021: 2.775.410 tấn (trong đó xi măng 1.519.931 tấn và clinker là 1.255.479 tấn) bằng 110% so với cùng kỳ 2020, bằng 88% so với tháng 5/2021. Tổng xuất khẩu 6 tháng năm 2021 đạt 20.902.673 tấn (trong đó xi măng là 8.226.151 tấn và clinker là 12.676.522 tấn) bằng 134% so với cùng kỳ năm 2020.
- TTND và xuất khẩu tháng 6/2021: 8.870.549 tấn bằng 112% so với cùng kỳ năm 2020, bằng 97% so với tháng 5/2021.
- TTND và XK 6 tháng năm 2021 đạt 54.512.509 tấn bằng 117% so với cùng kỳ năm 2020.